

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2021.

Về việc: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Dục.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Diễn;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2321/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nhật L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khu phố M, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ C, khu phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Nhật L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, tuy nhiên đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do ông Tr có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ tháng 6/2020 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Không còn tình cảm gì với ông Tr nữa nên bà làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

-Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần A, sinh ngày

20/11/2018. Ly hôn bà xin được nuôi con, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thành Tr trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Nhật L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó đến tháng 9/2019 thì thường xảy ra to tiếng, cãi vã nhau, nguyên nhân do khó khăn về kinh tế và bà L nghi ngờ ông có quan hệ bên ngoài với người khác. Từ tháng 6/2020 thì hai vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Ông xác định đã cố tìm cách hàn gắn đoàn tụ gia đình, như gọi điện, nhắn tin, nhờ hai bên gia đình tác động nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Ông cũng không còn cách nào để hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, ông xác định vẫn còn thương yêu bà L, không muốn gia đình chia rẽ, con sống thiếu cha mẹ nên không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần A, sinh ngày 20/11/2018. Ly hôn ông xin nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Trần A, sinh ngày 20/11/2018 cho bà L nuôi, tạm thời ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí bà L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Nhật L khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Thành Tr có địa chỉ cư trú tại tổ C, khu phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Nhật L và ông Nguyễn Thành Tr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2017, ngày 12/5/2017. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa bà L và ông Tr xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc bà L xin ly hôn với ông Tr.

Theo bà L thì quá trình chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do ông Tr có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Ông Tr cũng xác nhận quá trình chung sống đến tháng 9/2019 thì thường xảy ra to tiếng, cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, nguyên nhân do khó khăn về kinh tế và bà L nghi ngờ ông có quan hệ bên ngoài với người khác. Tuy nhiên ông Tr cho rằng vẫn còn thương yêu bà L, không muốn gia đình chia rẽ, con sống thiếu cha mẹ nên không đồng ý ly hôn. Ông đã cố tìm cách hàn gắn đoàn tụ gia đình, nhưng cũng không còn cách nào để hàn gắn gia đình.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng là sự tự nguyện từ hai phía, gia đình muốn gắn kết thì cả vợ và chồng đều phải cùng nhau xây dựng, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần, nhưng bà L xác định không còn tình cảm và kiên quyết xin ly hôn. Bản thân ông Tr cũng thừa nhận dù mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng bà cũng không còn cách nào để hàn gắn gia đình. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng giữa bà L và ông Tr lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông Tr.

[4] Về con chung:

Có 01 cháu tên Nguyễn Trần A, sinh ngày 20/11/2018. Ly hôn cả bà L và ông Tr đều xin được nuôi con. Xét thấy, cả bà L và ông Tr đều có công việc, thu nhập ổn định, đều có điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Thực tế cháu Thiên Ân chưa đủ 36 tháng tuổi, đang ở với mẹ. Do đó, cần giao cháu Thiên Ân cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Nhật L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Nhật L được ly hôn với ông Nguyễn Thành Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần A, sinh ngày 20/11/2018 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Tr xác định không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Nhật L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0007186, ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà L đã nộp xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND phường Tam Hiệp, TP Biên Hòa,
- T.Đồng Nai (CN số 79/2017);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được